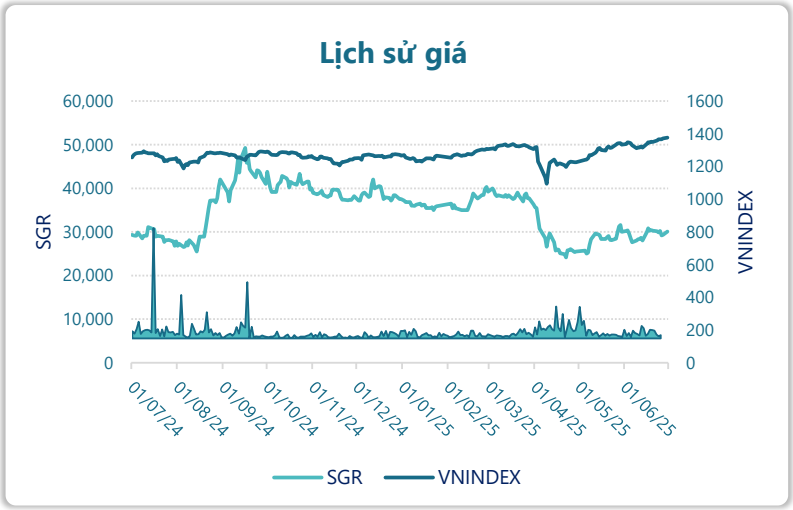
FireAnt

CTCP Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn (HSX: SGR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**30,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,150
SL cổ phiếu LH	69,874,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	418,165
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,103
P/E	12.1
EPS	2,497

DT thuần

Q2/25

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 116| 490%

YoY: ▲ 99.5| 251%

LN sau thuế

Q2/25

48.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 159%

YoY: ▲ 58.7| 599%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

47.3%

+/- YoY: ▲ 47.9%

DT thuần

6T 2025

162

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 102| 169%

LN sau thuế

6T 2025

67.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 91.2| 390%

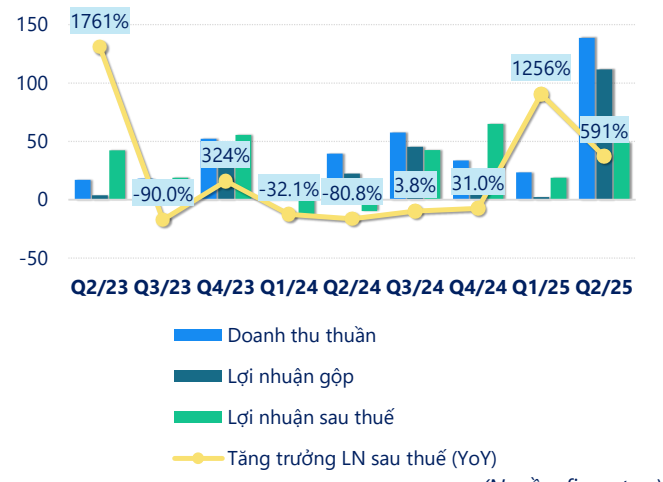
ROE

Q2/25

15.0%

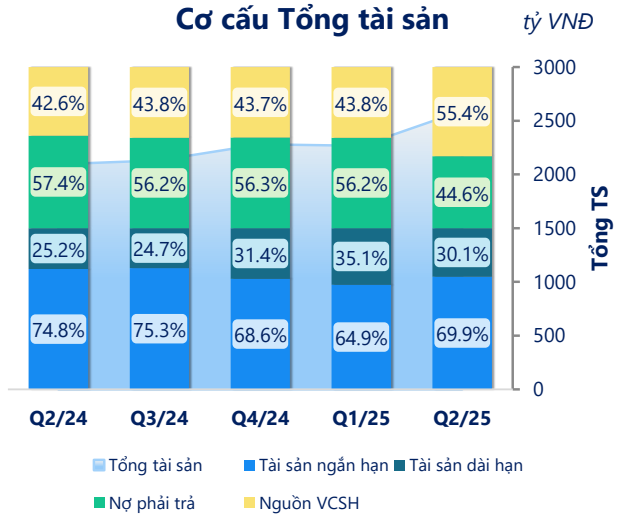
+/- YoY: ▲ 9.5%

Kết quả kinh doanh



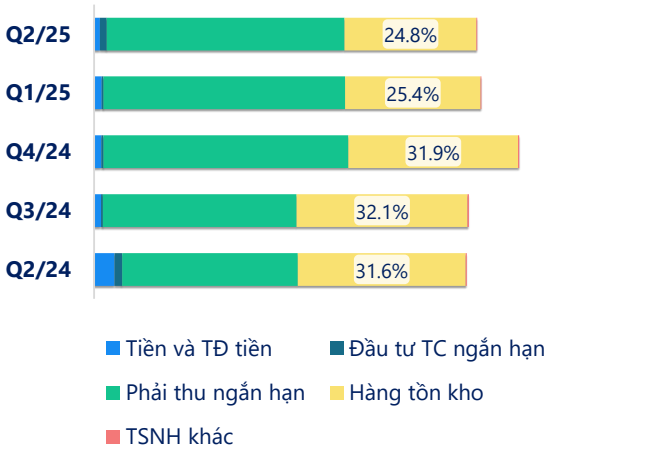
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



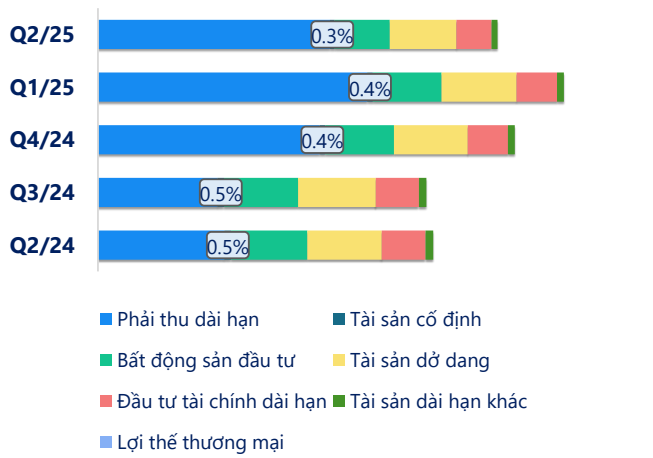
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



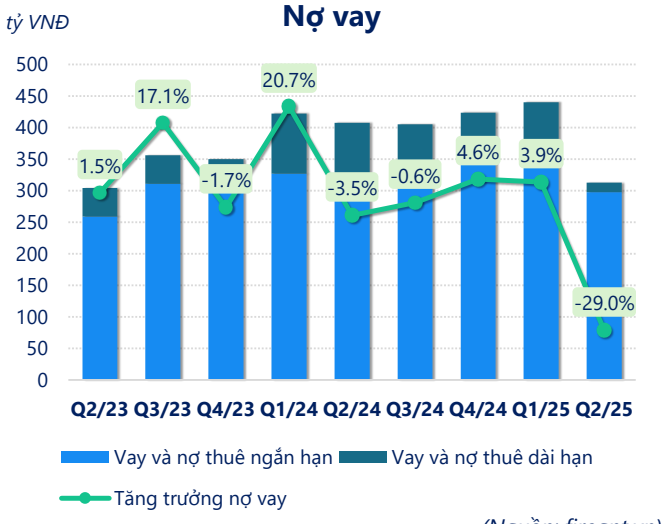
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



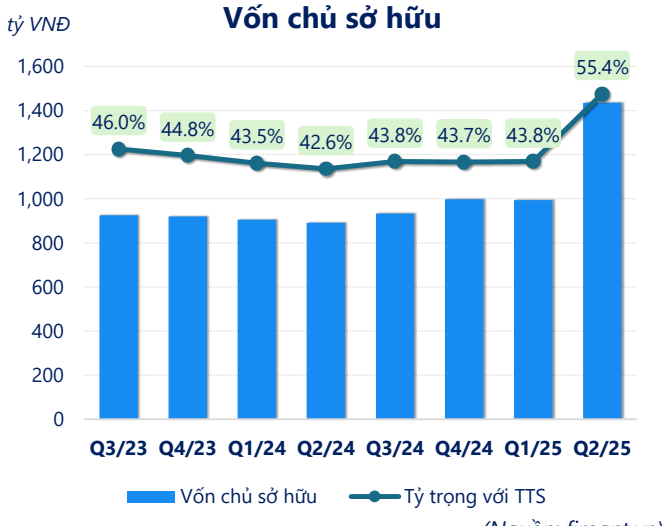
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



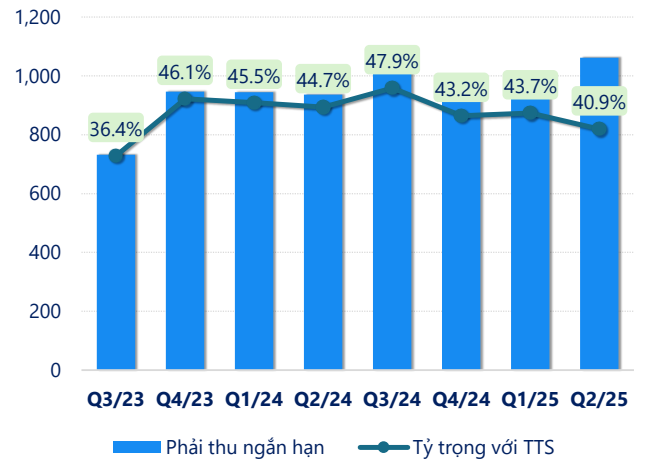
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



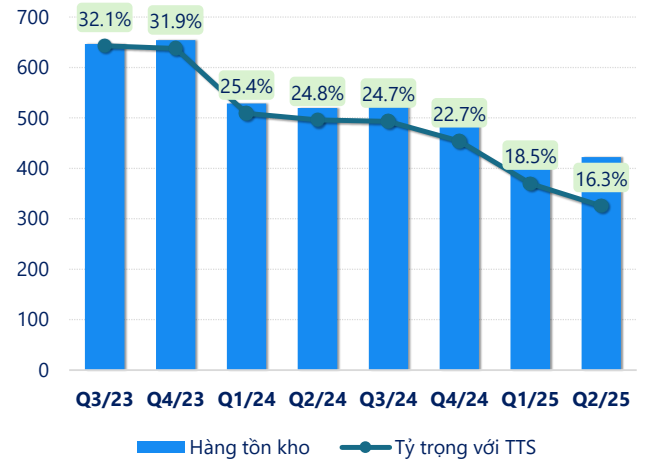
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



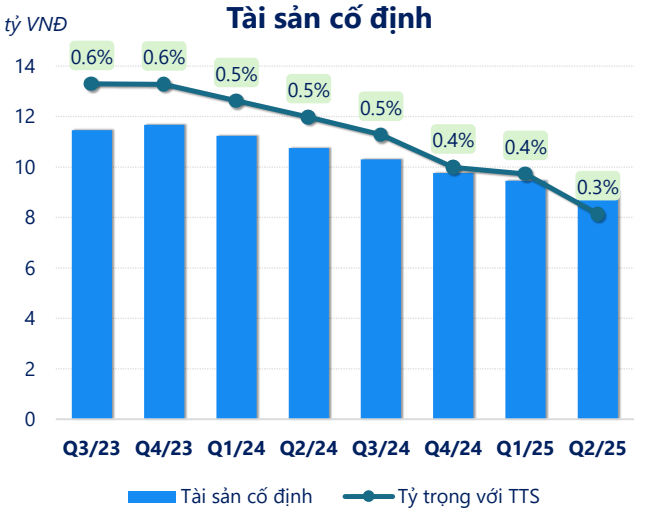
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



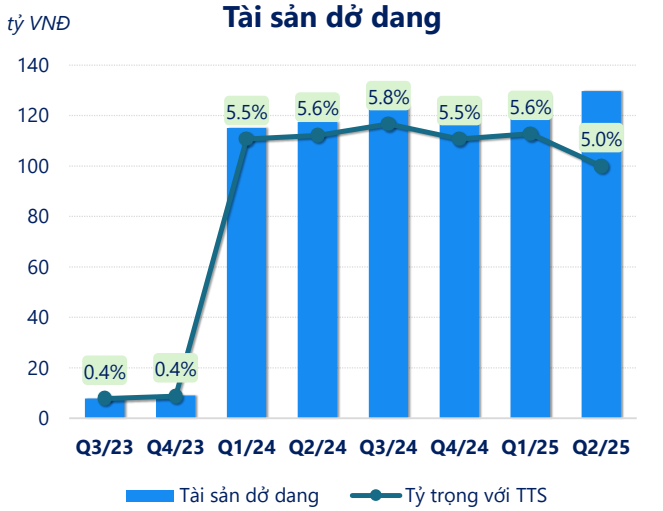
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



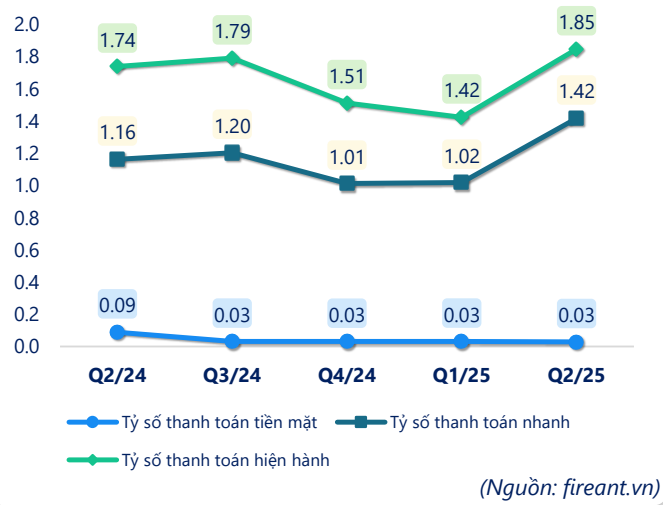
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



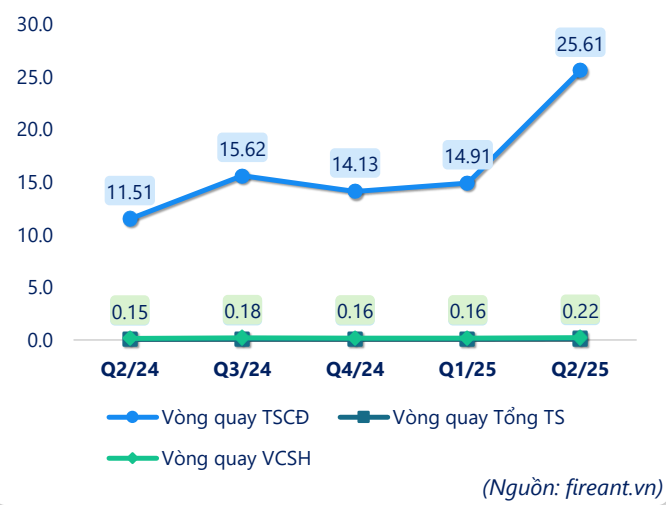
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,094**	**2,130**	**2,282**	**2,267**	**2,593**
Tài sản ngắn hạn	**1,566**	**1,604**	**1,566**	**1,472**	**1,813**
Tiền và tương đương tiền	79.7	27.9	31.6	32.5	28.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.4	27.1	27.1	27.1	299
Phải thu ngắn hạn	936	1,021	986	990	1,061
Hàng tồn kho	520	525	518	419	422
Tài sản ngắn hạn khác	3.00	2.65	3.12	3.45	2.53
Tài sản dài hạn	**528**	**526**	**715**	**795**	**780**
Phải thu dài hạn	199	192	380	459	452
Tài sản cố định	10.8	10.3	9.77	9.45	9.04
Bất động sản đầu tư	120	119	118	117	108
Tài sản dở dang	117	124	126	128	130
Đầu tư tài chính dài hạn	69.0	69.1	69.1	69.0	68.9
Tài sản dài hạn khác	12.0	11.9	11.9	11.7	11.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,202**	**1,197**	**1,283**	**1,273**	**1,158**
Nợ ngắn hạn	**900**	**896**	**1,035**	**1,034**	**982**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	311	308	362	364	298
Phải trả người bán ngắn hạn	5.97	6.11	7.64	6.48	5.51
Nợ dài hạn	302	301	248	239	176
Vay và nợ thuê dài hạn	96.6	96.6	61.6	76.6	15.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**892**	**934**	**998**	**994**	**1,435**
Vốn chủ sở hữu	**892**	**934**	**998**	**994**	**1,435**
Vốn điều lệ	600	600	600	600	699
Kinh phí và quỹ khác	0.18	0.18	0.18	0.18	0.18

(Nguồn: fireant.vn)